

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Đình.
2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Trọng B, sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm: 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng: Tổ 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ngU đơn ông Trần Trọng B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, ông Trần Trọng B và bà Võ Thị N tự nguyện tìm hiểu, năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà của cha mẹ ông B tại phường Q và chung sống hạnh phúc có 02 con chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông B làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà còn bà N thì ham chơi, không chăm lo gia đình, con cái, ông B nhiều lần khuyên nhủ để bà N thay đổi, sống có trách nhiệm với gia đình thì vợ chồng xảy ra cãi vã. Từ tháng 8/2019, bà N bỏ đi không có tin tức gì nên

ông B đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà N mất tích. Ngày 30/3/2022. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tuyên bố bà Võ Thị N mất tích. Nay, ông Trần Trọng B xin ly hôn với bà Võ Thị N.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Võ Trọng TH, sinh ngày: 26/4/2006 và Trần Võ Thu U, sinh ngày: 13/9/2009, hiện hai cháu đang sinh sống với ông B. Khi ly hôn, ông B có nguyện vọng nuôi cháu TH và cháu U, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Võ Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà N nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của ngU đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng B, ông Trần Trần B được ly hôn với bà Võ Thị N. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Trọng TH, sinh ngày: 26/4/2006 và Trần Võ Thu U, sinh ngày: 13/9/2009, cho ông B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, không có. Về án phí: Ông B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn bà Võ Thị N có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 6, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004, ông Trần Trọng B và bà Võ Thị N tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà N là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, theo ông B trình bày: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông B làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà còn bà N thì ham chơi, không chăm lo gia đình, con cái, ông B nhiều lần khuyên nhủ bà N thay đổi, sống có trách nhiệm với gia đình thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ tháng 8/2019, bà Võ Thị N bỏ đi, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nên ông Trần Trọng B xin ly hôn với bà Võ Thị N.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Từ tháng 8/2019, bà N bỏ nhà đi, trong suốt thời gian qua ông B không liên lạc được với bà N, ông B đã tìm kiếm và đăng tải thông báo tìm kiếm bà N trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có thông tin gì về bà N nên ông B đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà N mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 02/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tuyên bố bà Võ Thị N, sinh năm: 1981, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại tổ 6, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, mất tích. Như vậy, có cơ sở xác định: Ông B và bà N là vợ chồng hợp pháp nhưng trên thực tế, ông B và bà N không còn chung sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, do vậy mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn ông Trần Trọng B, cho ông Trần Trọng B được ly hôn với bà Võ Thị N.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Võ Trọng TH, sinh ngày: 26/4/2006 và Trần Võ Thu U, sinh ngày: 13/9/2009. Khi ly hôn, ông B có nguyện vọng nuôi cháu TH và cháu U, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét, hiện nay hai cháu đang sinh sống với ông B, cháu TH và cháu U đều có nguyện vọng ở với ông B. Để đảm bảo phát triển về mọi mặt cho cháu TH, cháu U, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu TH, cháu U cho ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà N không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí: Ông Trần Trọng B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002787 ngày 28/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trọng B. Ông Trần Trọng B được ly hôn với bà Võ Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Trọng TH, sinh ngày: 26/4/2006 và Trần Võ Thu U, sinh ngày: 13/9/2009 cho ông Trần Trọng B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà Võ Thị N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trần Trọng B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002787 ngày 28/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường Quảng Phú.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Loan

